

Bản án số: 405/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v tranh chấp về thay đổi mức
cấp dưỡng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Mai
- Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp về thay đổi mức cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 671/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Ngọc T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khối B Khu A1 (E City), số 2 đường N4, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: Khối B Khu A1 (E City), số 2 đường N4, phường K, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 05399/2025/CCGD ngày 03/7/2025 của Văn phòng Công chứng Nguyễn Lê Nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh): Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 164 Tỉnh lộ 8, KP2, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1979

Địa chỉ: 8A đường V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là: 8A đường V, Phường M, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 29/4/2025 của Nguyên đơn – bà Bùi Ngọc Trinh cùng trình bày của bà Nguyễn Thị Tr là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thì: Bà Bùi Ngọc T và ông Nguyễn Đức M đã ly hôn theo quyết định số 1006/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2019 của TAND quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo thỏa thuận tại quyết định thì bà Trinh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Phúc K, sinh ngày 12/7/2008 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 10/3/2018. Tuy nhiên tại Biên bản làm việc ngày 22/01/2022 do UBND Phường M, quận R lập ông M cam kết hàng tháng sẽ cấp dưỡng nuôi trẻ K, trẻ L 16.000.000đ, nhưng ông M không thực hiện nên bà T khởi kiện yêu cầu ông M phải:

+ Thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Phúc K, trẻ Nguyễn Phúc L 16.000.000đ/tháng (mỗi trẻ 8.000.000đ/tháng), cấp dưỡng từ tháng 11/2019 cho đến khi hai con thành niên.

+ Truy thu số tiền cấp dưỡng chưa thực hiện từ tháng 11/2019 đến tháng 05/2025 là 1.056.000.000đ và tiếp tục cấp dưỡng từ tháng 6/2025 đến khi con chung thành niên.

Trước đây bà T có đi làm nhưng từ ngày 01/5/2025 đến nay bà Trinh đã bị chấm dứt hợp đồng lao động, không có thu nhập, bà T được biết ngoài thu nhập từ lương thì ông M còn có 8.200.000đ tiền cho thuê nhà, rất nhiều tài sản ở Đồng Nai, vốn góp ở Công ty 79. Bà đại diện bà T xác nhận từ tháng 6/2025 trẻ K đang ở với ông M do trẻ K hay đánh trẻ L và thấy bà T thất nghiệp, nhưng cháu K đi làm thêm mỗi tháng được 4.000.000đ và hàng tháng bà T vẫn chuyển tiền cho cháu K sinh hoạt.

Bị đơn – ông Nguyễn Đức M trình bày: Ông và T đã ly hôn, theo thỏa thuận thì ông nuôi trẻ Nguyễn Phúc H, sinh ngày 30/6/2011, còn bà T nuôi trẻ K, L, hai bên tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con. Ngày 19/4/2018, bà T có ký hợp đồng cho thuê nhà 170/61 Q, phường S, quận Tân Phú, giá thuê từ 15.000.000đ/tháng sau đó tăng lên theo lộ trình, thời hạn thuê 5 năm, trong khoảng thời gian này người thuê nhà trực tiếp trả tiền thuê cho bà T. Sau khi hết thời hạn thuê bà T tiếp tục ký tiếp hợp đồng cho thuê, giá thuê như thế nào ông không biết, do bà T quậy làm ảnh hưởng rất nhiều đến công việc nên từ tháng 5/2024 ông có lấy 7.500.000đ tiền thuê nhà, gần đây là 8.200.000đ.

Từ khi ly hôn bà T gửi đơn lên Cơ quan của ông, Công an Thành phố làm ảnh hưởng rất nhiều tới công việc, thu nhập của ông. Hiện ông đang làm việc tại Thuê cơ sở 16 – Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 450 G, phường U, Thành phố

Hồ Chí Minh, thu nhập hàng tháng là 12.000.000đ, ngoài ra có 8.200.000đ tiền cho thuê nhà, bà T cho rằng ông có nhiều đất tại Đồng Nai, cổ phần tại Công ty 79 là không đúng sự thật. Tháng 2/2025 bà T lấy chồng người Mỹ, còn yêu cầu ông phải ra phòng công chứng ký Văn bản đồng ý, từ tháng 6/2025 đến nay trẻ K đang ở với ông do cháu và bà T mâu thuẫn bà T đã đuổi cháu đi. Với yêu cầu của bà T ông không đồng ý, nếu bà T không nuôi được con thì để ông nuôi.

Về việc cam kết theo biên bản làm việc ngày 22/01/2022 tại UBND Phường M, quận R như phía bà T trình bày là không có. Năm 2022 bà Trình gửi đơn lên UBND phường, khi phường lập biên bản ông có trình bày bà T có lấy thu nhập từ tiền thuê nhà là tài sản chung mỗi tháng 16.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tr là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Quyết định thuận tình ly hôn thể hiện chi phí cấp dưỡng nuôi con do hai bên thỏa thuận, nên bà T căn cứ vào biên bản làm việc ngày 22/01/2022 của UBND Phường M, quận R lập thể hiện ông M cam kết hàng tháng cấp dưỡng nuôi con 16.000.000đ. Theo các tài liệu bà T cung cấp cho Tòa án thể hiện khoản chi phí thực tế cho việc học tập, y tế ... của trẻ K, trẻ L là 443.664.120đ, chi phí tiền ăn, ăn sáng, thuê nhà ... là 666.000.000đ nên bà Trình yêu cầu ông M phải thanh toán khoản truy thu cấp dưỡng nuôi con từ tháng 11/2019 đến tháng 8/2025 số tiền hơn 1 tỷ. Bà T thu nhập hàng tháng từ việc dạy học khoảng 6.000.000đ cùng với tiền cho thuê nhà thì không đủ chi phí chăm lo cho con, ông M ngoài tiền lương còn có thu nhập từ cho thuê nhà, vốn góp vào công ty, ông M còn có rất nhiều đất ở Đồng Nai, cho nhiều người mượn tiền nên ông M cho rằng thu nhập thấp là không đúng. Do đó, yêu cầu của Nguyên đơn là phù hợp mong Tòa án chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

Bị đơn – ông Nguyễn Đức M trình bày: Với trách nhiệm của người làm cha ông sẽ chăm lo cho con theo khả năng, hiện ông đang nuôi 1 cháu, bà Trình nuôi hơn ông một cháu nên hàng tháng ông sẽ cấp dưỡng cho 1 cháu, số tiền 5.000.000đ còn lại ông có thể hỗ trợ thêm tiền học cho con theo khả năng. Các giấy vay tiền bà Trình cung cấp đã có từ trước khi ly hôn, đất là đất nông nghiệp giá trị không nhiều, lương của ông 12.000.000đ/tháng và 8.200.000đ tiền cho thuê nhà thì để lo cho con như vậy cũng rất khó khăn. Bà Trình cho rằng ông bạc đãi, đánh đập trẻ H đã gửi đơn lên chính quyền nên mới có biên bản làm việc ngày 22/01/2022 của UBND Phường M, quận R, khi đó ông trình bày hàng tháng bà T có 16.000.000đ từ cho thuê nhà, nên với yêu cầu truy thu tiền cấp dưỡng ông không đồng ý, từ bây giờ hàng tháng ông sẽ cấp dưỡng 5.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn cấp dưỡng nuôi hai trẻ K, trẻ L với mức cấp dưỡng 6.000.000 đồng/tháng/hai trẻ, tương đương mỗi trẻ là 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 9/2025 cho đến khi hai trẻ lần lượt thành niên. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc truy thu số tiền cấp dưỡng từ tháng 11/2019 đến tháng 8/2025 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 16.000.000 đồng/2 trẻ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trình khởi kiện “tranh chấp về thay đổi mức cấp dưỡng” với ông M do ông M cư trú tại quận Tân Bình (cũ) nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Tr là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có mặt. Bị đơn – ông M có mặt.

[4] Đối với yêu cầu Bị đơn cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Phúc K, Nguyễn Phúc L 16.000.000đ/tháng (mỗi trẻ 8.000.000đ/tháng), cấp dưỡng từ tháng 11/2019 cho đến khi hai con thành niên. Xét thấy:

Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”.

Khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này ...”.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trẻ Nguyễn Phúc K hiện đang học lớp 12, là năm học cuối cấp của bậc phổ thông nên chi phí cho việc học tập, sinh hoạt tương đối nhiều; Trẻ L ngoài chi phí học tập, sinh hoạt thì chi phí khám chữa bệnh cũng nhiều. Thu nhập của bà T giảm so với trước nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con từ ông M đối với trẻ K, trẻ L là cần thiết cho sinh hoạt, học tập của trẻ nên yêu cầu của bà T là phù hợp quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, với thu nhập hàng tháng của ông M là 20.200.000đ thì yêu cầu cấp dưỡng trẻ K, trẻ L mỗi trẻ 8.000.000đ/tháng tương đương 16.000.000đ/tháng là quá cao vì thu nhập của ông M ngoài chi phí cho bản thân còn dùng để nuôi trẻ H nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn, buộc ông M cấp dưỡng nuôi trẻ K, trẻ L mỗi trẻ 3.000.000đ/tháng.

Đơn khởi kiện của bà T ký ngày 29/4/2025, ngày 23/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án, nên thời gian thực hiện cấp dưỡng trẻ K, trẻ L của ông M được thực hiện từ tháng 9/2025 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải trả tiền truy thu cấp dưỡng chưa thực hiện từ tháng 11/2019 đến tháng 08/2025 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 16.000.000 đồng/2 trẻ. Xét thấy:

Nguyên đơn căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 22/01/2022 do UBND Phường M, quận R lập và cho rằng tại buổi làm việc trên ông M cam kết hàng tháng sẽ cấp dưỡng nuôi trẻ K, trẻ L 16.000.000đ, do ông M không thực hiện nên khởi kiện yêu cầu ông M phải thực hiện việc cấp dưỡng theo cam kết từ khi ông M, bà T ly hôn đến nay.

Biên bản làm việc ngày 22/01/2022 do UBND Phường M, quận R lập có nội dung: “...Lúc tòa xét xử ly hôn bà T không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông M vẫn chu cấp hàng tháng là 16 triệu đồng là số tiền thuê nhà thu được tại quận Tân Phú, không phải ông không chu cấp như trong đơn bà T đã nêu.”.

Căn cứ nội dung của Biên bản làm việc nêu trên thì mục đích của việc lập Biên bản làm việc là để xác minh tính thực tế đối với đơn trình bày của bà T về việc yêu cầu ông M không hợp tác trong vấn đề chăm sóc sức khỏe và nuôi dạy bé Nguyễn Phúc H. Do đó, phần trình bày ở trên của ông M không được coi là cam kết cấp dưỡng nuôi trẻ K, trẻ L 16.000.000đ/tháng, nên bà T cho rằng nội dung trình bày của ông M là cam kết cho việc cấp dưỡng để yêu cầu ông M phải thanh toán truy thu khoản cấp dưỡng nuôi con từ khi ly hôn cho đến tháng 8/2025 là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b, Khoản 1 Điều 12, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bà T được miễn án phí; Ông M phải chịu 300.000đ án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm b, Khoản 1 Điều 12; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Bùi Ngọc T.

1.1 Buộc ông Nguyễn Đức M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Phúc K, sinh ngày 12/7/2008 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 10/3/2018, mỗi trẻ 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Thực hiện từ tháng 9/2025 cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Ngọc T về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức M phải trả tiền truy thu cấp dưỡng nuôi con chưa thực hiện từ tháng 11/2019 đến tháng 08/2025 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 16.000.000 đồng/2 trẻ.

2/ Về án phí: Bà Bùi Ngọc T được miễn án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

3/ Kể từ ngày có Đơn yêu cầu thi hành án của bà Bùi Ngọc Tr đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Ngọc T, ông Nguyễn Đức M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 – Tp.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 4 – Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Hương